

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST.

Ngày 30-9-2024.

“V/v Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Tý;

2. Bà Đào Thị Thường.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024, về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lò Thị X, sinh năm 1987.

Địa chỉ bản P, xã H, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

2. **Bị đơn:** Anh Lê Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ bản P, xã H, thị xã N, tỉnh Y; “Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai chị Lò Thị X trình bày như sau:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị X và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã N, vào ngày 10 tháng 10 năm 2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại bản P, xã H, thị xã N; trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống về mọi mặt, dẫn đến cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, gây

áp lực cho nhau, do mâu thuẫn không hòa giải được nên anh L đã đi làm xa nhau từ cuối năm 2023 và hai người sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Văn L.

+ Con chung; tài sản chung và nợ chung: Chị Lò Thị X và anh Lê Văn L không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Lê Văn L trình bày:

+ Quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn, quá trình chung sống cũng như mâu thuẫn giữa anh L và chị X đúng như chị X trình bày; anh L xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, nên chị X xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí.

+ Con chung; tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Tổ tụng: Chị Lò Thị X khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị X và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thị xã N, vào ngày 10 tháng 10 năm 2022 và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Như vậy, hôn nhân của chị X và anh L là hợp pháp.

Trong cuộc sống chung vợ chồng chị X và anh L đều xác định giữa hai người phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống; hiện hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa, chị X xin ly hôn anh L nhất trí. Như vậy, đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Lò Thị X được ly hôn với anh Lê Văn L.

[3] Con chung, tài sản chung và nợ chung: Lò Thị X và anh Lê Văn L không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[4] Án phí: Chị Lò Thị X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 262, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Lò Thị X được ly hôn anh Lê Văn L.

2. Án phí: Chị Lò Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số: AA/2023/0000920 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị X đã nộp đủ án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- Chi cục THADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Hạnh Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Vũ Xuân